

SỰ KẾT HỢP GIỮA CHẤT VĂN XUÔI VÀ CHẤT THƠ TRÊN BÌNH DIỆN NGÔN NGỮ VÀ GIỌNG ĐIỆU TRONG VĂN XUÔI TỰ SỰ LƯU TRỌNG LƯ TRƯỚC 1945

Hồ Thị Thanh Thủy¹

TÓM TẮT

Với tư cách sáng tạo “hai trong một”, Lưu Trọng Lư đã mang theo sứ mệnh “hòa giải” giữa thơ và văn xuôi khi đến với văn chương. Bình diện ngôn ngữ và giọng điệu thể hiện tiêu biểu nhất cho sự kết hợp hài hòa giữa chất văn xuôi và chất thơ trong mảng văn xuôi tự sự trước 1945 của nhà văn.

Từ khóa: *Lưu Trọng Lư, kết hợp hài hòa, chất văn xuôi, chất thơ, ngôn ngữ, giọng điệu*

1. Mở đầu

Chúng tôi sử dụng khái niệm “chất văn xuôi” và “chất thơ” như những khái niệm quy ước. Nếu chất văn xuôi là sự hướng về miêu tả trung thực những bề bộn, phức tạp của đời sống thì chất thơ là thiên hướng chọn lọc những nét đẹp, nét nên thơ của cuộc đời. Lưu Trọng Lư vốn hoạt động sáng tác trên nhiều lĩnh vực: thơ, văn xuôi, sân khấu, phê bình văn học. Ở phong trào Thơ mới, Lưu Trọng Lư được đánh giá là một kiện tướng. Đến với văn chương, ông mang theo sứ mệnh hòa giải giữa thơ và văn xuôi, giữa hiện thực và lãng mạn: “Lưu Trọng Lư được xem trước hết như một nhà thơ; nhưng thế giới thơ Lưu Trọng Lư thật ra không tách rời, mà ngược lại, có sự tiếp nối với thế giới văn xuôi do ông sáng tạo, đó là cuộc sống trong các truyện ngắn truyện dài ông viết. Nhiều khi, một vài ý tưởng xúc cảm chỉ in gọn trong một vài câu thơ đoạn thơ, sẽ có âm vang rộng dài hơn, mà không chỉ một lần, trong các truyện ngắn truyện dài” [1, tr. 14].

2. Nội dung

2.1. Sự kết hợp giữa chất văn xuôi và chất thơ trên bình diện ngôn ngữ

Lưu Trọng Lư đến với văn chương như mang theo sứ mệnh “hòa giải” giữa thơ và văn xuôi, giữa hiện thực và lãng mạn. Đặc trưng của văn xuôi là phát hiện thế giới hiện thực khách quan, vì vậy nó cần ngôn ngữ ngắn gọn, chính xác. Bên cạnh tả đúng, tả thực, văn xuôi còn có nhu cầu tìm đến cái cảm và để biểu hiện nó phải cần đến ngôn ngữ biểu cảm, ước lệ.

Trong văn xuôi tự sự của Lưu Trọng Lư, một biểu hiện khiến cho tác phẩm của ông thấm đượm chất thơ đó là ngôn ngữ. Ở đây, ngôn ngữ phân tích, tạo hình không lẫn át ngôn ngữ biểu cảm, ước lệ. Cụ thể, khoảng cách cảm xúc giữa người trần thuật và cảm xúc của nhân vật trong tác phẩm đã được rút ngắn lại, có khi như trùng nhau. Từ góc độ này, người trần thuật có thể thâm nhập vào cảm xúc, suy nghĩ, ấn tượng của nhân vật, nhìn thế giới theo con mắt của nhân vật và trần thuật bằng chính giọng điệu biểu cảm của nhân vật đó.

Ở tiểu thuyết *Bến cũ*, tác giả đã rất

¹Trường Đại học Đồng Nai
Email: thuyhodhn@gmail.com

tài tình khi tái hiện những sự kiện đã diễn ra trong quá khứ và vẫn đang tiếp tục hiển hiện trong cuộc đời thực của nhân vật Thiệu. Qua ngôn ngữ trần thuật nhằm gợi lại ký ức trong tâm hồn nhân vật, người đọc thấy được cuộc sống của một gia đình. Những ký ức về gia đình, về cha, mẹ được nhà văn sử dụng như chất liệu cho tác phẩm hư cấu. Đó là câu chuyện về việc cha từ quan về vườn, mẹ trước mắt, để lại bầy con thơ, cùng việc hằng năm gia đình Thiệu chèo thuyền về quê ngoại để thu hoạch mùa vụ. Rồi việc mẹ của cậu được chọn làm bà đích gắn với câu chuyện tranh giành vị trí con của các phòng. Đây là dịp để Lưu Trọng Lư có thể sử dụng thế mạnh của ngôn ngữ văn xuôi mà tái hiện một cách cụ thể những hồi tưởng của Thiệu về gia đình: “Mỗi năm thầy mẹ tôi lại sửa soạn thuyền bè để đi chở lúa và ngô khoai ở quê ngoại tôi về, vào độ tháng tư, tháng năm. Thật là những dịp rất hay làm nao động một cảnh gia đình hiu quạnh... Ngày nhỏ sào đi, tôi đứng ở trên mũi thuyền... Trông cái cảnh tấp nập chung quanh, tôi tưởng như tất cả chúng tôi là một đội thủy thủ bạo dạn sắp dấn thân vào cuộc viễn chinh” [1, tr. 524]. Tuy nhiên, những đoạn văn như vậy dần bị lấn át bởi những đoạn văn khác tràn ngập tính biểu cảm. Những lần ghé bến Thanh Lăng, Thiệu đã gặp Quỳnh, con gái ông Huấn đạo, giữa họ đã có tình cảm gắn kết từ tuổi thơ. Từ kỷ niệm tuổi thơ đó, tác giả đã viết nên một câu chuyện tình bất thành bằng việc khám phá cuộc sống trong chiều sâu tâm hồn con

người. Bằng nghệ thuật sử dụng điểm nhìn ở ngôi thứ nhất, Lưu Trọng Lư để cho nhân vật Thiệu kể với người đọc những rung động đầu đời, tình cảm quyến luyến vụng về của mình khi còn là một cậu bé trước một người bạn khác giới, khiến cho độc giả có khi cảm động có lúc lại thấy tươi vui: “Tôi quyến luyến Quỳnh đến nỗi bao nhiêu cái thú vị của một chuyến đi thuyền như thế, trên con đường về, đều tiêu tán hết cả! Tôi không biết thuở bấy giờ Quỳnh có đẹp không - vì tôi không hề để ý đến điều ấy. Nhưng có một điều rất chắc chắn, là Quỳnh tử tế lắm, hiền lành lắm, nhất là đối riêng với tôi... Tôi nhớ Quỳnh lắm! Đôi khi muốn bật ra khóc, nhưng tôi cố nín, vì ở đời, tôi chưa thấy ai vì thế mà khóc cả! Khóc lóc vì xa cách một người bạn? Quỳnh đối với tôi, dẫu sao, cũng chỉ là một người bạn mà thôi!... Tôi giận trời vì sao không ghép chúng tôi thành chị em, hay anh em ruột thịt, đặng tôi có thể đường hoàng tỏ tình mến nhớ và gần gũi Quỳnh... Vào đến quê ngoại tôi, tôi chẳng buồn chơi đùa với những đứa trẻ khác nữa. Có khi hàng giờ tôi đứng thẩn thơ dưới một gốc cây” [1, tr. 525-526].

Với những truyện viết về đề tài thần tiên, ma quái, nhà văn cũng lựa chọn cho người trần thuật một vai phù hợp. Đó là nhân vật Lưu Phước Doãn trong truyện *Một tháng với ma*. Ở đây, người trần thuật tự do bày tỏ cảm xúc nhưng vẫn có thể quan sát được biểu hiện của nhân vật khác. Bằng ngôn ngữ biểu cảm và ước lệ, Lưu Phước Doãn kể lại sự quen biết và gặp gỡ của mình với một

người bạn bí hiểm tên là Xâu Minh và ông đã bị lôi cuốn vào một cuộc đi bí mật, để đi tìm một điều vô cùng rung rợn: đó là bí mật thứ đựng trong cái săng mà Lưu Phước Doãn đoán rằng là vàng bạc do vua quan Hồi chôn giấu trong những lúc luân lạc: “Tôi hồi hộp quá. Khi Đặng thò cái chét vào để cạy, nhưng ghê hồn biết bao nhiêu khi thấy ở trong săng chỉ có một cái đầu lâu, một cái đầu lâu đã sạch nhũn, không co dính một miếng thịt nào. Điều này mới kỳ. Trên mặt của Minh vẫn một nét lạnh lùng băng giá ấy.

Không hớn hờ cũng không thất vọng, hấn xách cao cái đầu lâu và nói với chúng tôi:

- Có phải tôi đã nói với các anh rằng một cái gì quý, rất quý báu ở thế gian? Còn gì quý báu hơn một cái đầu người, phải không các anh?

Bây giờ mặt trời cũng vừa lên. Những ánh nắng chiếu vào cái đầu lâu, làm cho cái đầu lâu như vừa thếp một lớp vàng” [2, tr. 855-856].

Nhưng với vai trò của một nhân vật trong tác phẩm, người kể chuyện Lưu Phước Doãn còn bộc lộ thái độ, quan điểm, suy nghĩ của mình trước sự việc kỳ lạ vừa diễn ra: “Tôi không thể tin được đó là một sự tính toán, theo một phương pháp nào. Có lẽ là những sự biểu diễn kỳ lạ của một tâm hồn thác loạn, của một người mất trí mà thôi. Nhưng thật ra tôi cũng không tin ở cái thuyết ấy lắm. Tôi vẫn muốn, vẫn cố mà tin rằng sự hành động này của Minh có thể đưa lại cho tôi một cái gì lạ. Nếu không, ít ra, tôi cũng có thể biết rằng

bạn tôi là một kẻ mắc bệnh thần kinh, một người điên mà tôi sẽ tìm cách cứu chữa hay xa lánh” [2, tr. 854].

Sự hòa đồng giữa cảm xúc của người trần thuật với cảm xúc nhân vật là một trong những biểu hiện của việc xử lý hài hòa quan hệ giữa thơ và văn xuôi. Ở câu chuyện trên, nhà văn vừa để nhân vật trần thuật lộ diện lại vừa để nhân vật trần thuật ẩn tàng. Trong tư cách là người trần thuật lộ diện, anh ta được coi là người tham dự vào câu chuyện như là một nhân vật, được gia nhập vào hội thoại, được nhận xét trực tiếp, được nói tiếng nói của mình. Hình thức trần thuật này có tính bộc lộ chủ quan và mang sắc thái cảm xúc cao được cụ thể hóa trong ngôn ngữ của nhân vật Lưu Phước Doãn. Còn trường hợp người trần thuật ẩn tàng là người trần thuật theo “ngôi thứ ba” dưới hình thức người kể chuyện (do tác giả sáng tạo ra), lời trần thuật ở đây mang tính khách quan hóa và trung tính. Lưu Phước Doãn được chứng kiến, trải nghiệm trong câu chuyện và có khả năng kể lại toàn bộ câu chuyện theo cách riêng của mình. Vì vậy, lời trần thuật ở đây còn có nhiệm vụ tái hiện và phân tích, lý giải thế giới khách quan vật chất, sự việc, con người; tái hiện và phân tích, lý giải lời nói ý thức người khác.

Sự hòa đồng giữa cảm xúc của người trần thuật với cảm xúc nhân vật đã cho độc giả thấy các nhân vật của Lưu Trọng Lư có đời sống tâm hồn, tình cảm có nhiều nét tương đồng với người kể chuyện. Qua tâm hồn nhân vật

ta thấy được hình tượng tác giả ẩn đằng sau đó. Nhà văn chọn nhân vật trần thuật lộ diện khiến cho khoảng cách giữa người trần thuật và nhân vật đã được rút ngắn lại, có khi còn trùng với nhân vật. Do vậy, ngôn ngữ biểu cảm, ước lệ chiếm vị trí quan trọng trong văn xuôi của ông là điều dễ hiểu.

2.2. Sự kết hợp giữa chất văn xuôi và chất thơ trên bình diện giọng điệu

Trong nhiều tác phẩm, Lưu Trọng Lư sử dụng sự đan cài giữa giọng điệu cảm thương và giọng điệu kể việc tỉnh táo. Giọng điệu cảm thương đã có từ trong mạch văn thương thân xót đời, đặc biệt là xót thương cho thân phận của người phụ nữ qua các tác phẩm văn học trung đại như: *Chinh phụ ngâm khúc* (Đặng Trần Côn), *Cung oán ngâm khúc* (Nguyễn Gia Thiều), *Ai tư văn* (Lê Ngọc Hân), *Tự tình khúc* (Cao Bá Nhạ), hay ở một số truyện thơ Nôm như *Truyện Kiều* của Nguyễn Du... Tất cả đều thể hiện một tinh thần cảm thương cho số phận con người, tiếc than cho những số phận bị hủy hoại một cách oan uổng. Tới văn học Việt Nam đầu thế kỷ XX, độc giả dễ dàng nhận ra giọng điệu cảm thương trong *Nói chuyện với ảnh*, *Thư trách người tình nhân không quen biết* (Tản Đà), *Linh Phương ký* (Đông Hồ), *Giọt lệ thu* (Tương Phố), nhất là *Tố Tâm* của Hoàng Ngọc Phách. Đến văn học Việt Nam thời kỳ 1930 - 1945, dòng truyện ngắn trữ tình có ba cây bút tiêu biểu là Thạch Lam, Thanh Tịnh, Hồ Dzếnh. Họ đã quan sát, quan tâm tới những rung động trong thế giới nội tâm của con

người. Những câu chuyện họ viết thậm chí không có cốt truyện, nó dàn trải trên trang văn là thế giới nội tâm, những rung động trong tâm hồn của nhân vật.

Nhiều sáng tác trong mảng văn xuôi tự sự của Lưu Trọng Lư trước 1945 cũng ảnh hưởng của chủ nghĩa cảm thương. Điều này thể hiện rõ trong các tác phẩm viết về người phụ nữ, về ký ức người thân... Khác với những nhà văn cùng thời nhìn hiện tượng mai dâm chủ yếu ở phương diện sự tha hóa xã hội thì Lưu Trọng Lư lại chú trọng vào hoàn cảnh đẩy đưa, vào phương diện cá nhân cụ thể của những phụ nữ sa cơ lỡ bước. Không ngẫu nhiên ông chọn miêu tả những “cô lái đò sông Hương” vốn là con quan gặp nạn như Lan trong *Gió cây trút lá*. Ông không chỉ nhìn thấy số kiếp “sống làm vợ khắp người ta” của họ mà còn nhận ra, đôi khi một cách nghịch lý, nét nghệ sĩ tài hoa cùng tâm hồn thanh khiết, khát vọng tự do của họ; đây là thứ tự do cá nhân, tự do nhân cách, nó tương phản với tình cảnh trụy lạc mà họ lâm vào, nó cho thấy Lưu Trọng Lư nhấn vào nét bi kịch trong tâm hồn họ hơn là vào trạng thái trụy lạc thảm hại của họ.

Nhà văn miêu tả sự sa cơ lỡ bước dần thân làm gái giang hồ trên sông Hương của nhân vật Lan. Là người có lòng tự trọng, Lan đã trốn đi để cho Hải làm tròn chữ hiếu với cha mẹ. Nhưng Hải vẫn đi tìm Lan. Qua lời kể lể lẫn oán trách của người bác trước cái chết tức tưởi của Lan, người đọc nhận thấy Lưu Trọng Lư đã khéo léo đan cài giữa giọng điệu thương xót, ai oán và kể việc tỉnh

táo: “Ông Hải ơi, ông đã làm gì cháu tôi mà đến nỗi nó kinh sợ ông đến rứa! Ông nói đi! Sao ông đứng im thế? Ông khóc mà làm gì nữa. Muộn lắm rồi! Từ hôm ở nhà ông nó trốn về thì sáng hôm sau bệnh cũ trở lại ngay. Nó ho nhiều quá! Và ngay hôm ấy, nó khạc ra huyết. Khốn nỗi tôi có biết vì sao! Vì sao nó lại trốn đi? Hồi 3 - 4 giờ sáng nó mới về đến thuyền tôi. Ông Hải, có phải ông đã đuổi nó? Ông không nhớ nó đã có sẵn bệnh trong mình à? Tội nghiệp! Đêm khuya gió lạnh như thế, làm sao tránh khỏi bệnh được? Sao ông nhẫn tâm thế ông Hải? Ông nói đi” [1, tr. 507].

Trong tiểu thuyết *Em là gái bên song cửa*, giọng điệu này được nhà văn thể hiện dưới hình thức viết thư. Cô nữ sinh Cẩn trước khi chọn cái chết để tạ lỗi với gia đình vì đã trót yêu một thi sĩ đã có vợ con, Cẩn đã viết thư khuyên người yêu trở về sum họp với gia đình của anh: “Trong cõi nhân gian man mác này, chúng ta không thể tìm đâu được một mái nhà chung, để che đậy chút ái tình yếu ớt của đời ta... Anh ơi! Không thể còn tìm đâu thấy cái mái nhà công cộng ấy nữa: Vì anh, số mệnh đã muốn rằng: Anh không phải là sở hữu của em. Mà em không muốn cướp anh trong một cuộc phiêu linh không nhà, không cửa. Em không dám, em không can đảm, vì như thế là em cưỡng lại ý Trời!... Mà người như em không thể sống một ngày không Thượng đế... Anh hãy buông em ra, trả em lại cho Thượng đế. Em lạy van anh. Tha cho em, tha cho linh hồn em” [2, tr. 1054].

Những ký ức về gia đình, dòng tộc

cũng là đề tài mà Lưu Trọng Lư có thể sử dụng nghệ thuật đan cài giọng điệu cảm thương và giọng điệu kể việc. Chẳng hạn, tiểu thuyết *Dòng họ*, người mẹ của nhân vật tôi thường hay khóc lóc, kể lể bằng giọng điệu sầu thương vì bất bình trước cách sắp con các phòng của chồng đối với mình và các con đẻ của bà: “Thân tôi như giọt nước sa vào đầu thì nhờ đấy. Tôi đã bỏ làng, bỏ cửa, bỏ nhà, bỏ cha mẹ, anh tam mà theo ông... Con gà, con lợn cũng mang theo. Thế mà ruộng nương cha mẹ tôi cho, nay ông đòi bán, mai ông đòi bán. Đã vậy mà mẹ con tôi nào có được yên thân. Nay người ta châu chò, mai người ta thì thộ” [2, tr.1109].

Cách sử dụng đan cài giữa giọng điệu cảm thương và giọng điệu kể việc tinh táo đã giúp cho những trang văn xuôi trước 1945 của Lưu Trọng Lư đi sâu vào khám phá nét bi kịch trong tâm hồn của những cô gái sa cơ lỡ vận đậm nét hơn việc xoáy vào trạng thái trụy lạc thảm hại của họ. Cũng nhờ cách đan cài giữa hai giọng điệu, nhà văn đã khơi dậy những ký ức về gia đình, dòng tộc gắn liền với tuổi thơ của bản thân tác giả.

3. Kết luận

Khởi đầu nghiệp bút với thơ và cũng nổi danh trước hết với tư cách nhà thơ, văn xuôi của Lưu Trọng Lư có sự kết hợp khá nhuần nhuyễn giữa chất văn xuôi và chất thơ. Ông chú tâm vào cảm giác, cảm nhận mang tính chủ quan, ưa khám phá những tâm tình lãng mạn, thích khai thác những yếu tố bi trong cuộc sống. Do đó ngôn ngữ phân tích trong văn xuôi tự sự của Lưu Trọng

Lư không lẫn át ngôn ngữ biểu cảm, ước lệ và giọng điệu cảm thương được đan cài với giọng điệu kể việc tình tảo.

Như vậy, với truyền thống nghiêng về thơ của người Việt và bối cảnh sáng tạo đặc thù của bộ phận văn học công khai kết hợp với những trải nghiệm và

hoạt động thực tiễn của bản thân, trong văn xuôi tự sự Lưu Trọng Lư, người đọc thấy được cái độc đáo của nhà văn qua qua ngôn ngữ, giọng điệu. Ông đã hướng đến sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất văn xuôi và chất thơ trong văn xuôi tự sự của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lưu Trọng Lư (2011), *Tác phẩm - truyện ngắn, tiểu thuyết*, tập 1 (Lại Nguyên Ân - Hoàng Minh sưu tầm, biên soạn), Nhà xuất bản Lao động - Trung tâm Văn hóa - Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội
2. Lưu Trọng Lư (2011), *Tác phẩm - truyện ngắn, tiểu thuyết*, tập 2 (Lại Nguyên Ân - Hoàng Minh sưu tầm, biên soạn), Nhà xuất bản Lao động - Trung tâm Văn hóa - Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội

THE COMBINATION OF PROSAIC AND POETIC IN LANGUAGE AND TONE SIDE OF LUU TRONG LU'S PROSE NARRATIVES BEFORE 1945

ABSTRACT

As a person who created "two in one", Luu Trong Lu carried the mission that reconciled the poetry and the prose in literature. Language and tone were the most representative expression for the perfect combination of prosaic and poetic in his prose narrative before 1945 period.

Keywords: *Luu Trong Lu, perfect combinati on, prosaic, poetic, language, tone*

(Received: 16/2/2019, Revised: 25/2/2019, Accepted for publication: 7/5/2019)